

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1232/2025/DS-ST
Ngày: 21-10-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Phan Thị Tuyết Hằng

2- Bà Trần Thúy Trân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 04 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 492/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 09 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 462/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 09 năm 2025 và giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 Lầu 8, Nam Kỳ Khởi N, phường X (Phường V, Quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng (SACOMBANK): Bà **Nguyễn Đức Thạch D**, sinh năm: 1973. Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng (SACOMBANK): Ông **Phan Tấn D**, sinh năm: 1978. Chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty SACOMBANK-SBA (*Giấy ủy quyền số 3815/2024/GUQ-PC ngày 10/12/2024*).

Ông Phan Tấn D ủy quyền lại cho ông **Trần Gia Th**. Chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương tín; Địa chỉ: 278 Nam Kỳ Khởi N, phường X (Phường V, Quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (*Giấy ủy quyền số: 3954/2025/UQ-TGD ngày 01/08/2025*). (Vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Lâm Trí X**, sinh năm: 2000. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà không số, Ấp H, xã V (Tổ L, ấp B, xã A, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có ông Trần Gia Th trình bày như sau:

Ngày 04/11/2019, ông Lâm Trí X có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng, hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ Visa; Số thẻ: 472074 – 2087; Hạn mức là 15.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng là ngày 04/11/2019; Lãi suất áp dụng là 2.6%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Lâm Trí X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.500.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Lâm Trí X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 12.387.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước.
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Lâm Trí X vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Lâm Trí X vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 23/8/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 14.556.585 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông Lâm Trí X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông Lâm Trí X phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 21/10/2025 là 35.921.781 đồng. Cụ thể: Loại thẻ Visa có số thẻ là: 472074 – 2087, nợ gốc là 14.556.585, lãi quá hạn là 21.365.196 và lãi suất áp dụng là 3.9% (2.6% x 150%).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Lâm Trí X, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Lâm Trí X vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị giải quyết những vấn đề đối với ông Lâm Trí X là:

Buộc ông Lâm Trí X phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/10/2025 là 36.432.729 đồng (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 14.556.585 đồng.
- Lãi quá hạn : 21.876.144 đồng.

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn là ông Trần Gia Th vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn – ông Lâm Trí X đã được Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt tại địa chỉ: Nhà không số Ấp L, xã V (Tổ T, ấp B, xã A, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lâm Trí X vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử, ông Lâm Trí X không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ông Lâm Trí X vắng mặt không lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Qua tài liệu chứng cứ mà đương sự cung cấp cho Tòa án và các chứng cứ Tòa án thu thập thì có cơ sở xác định ông Lâm Trí X có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 04/11/2019 với hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng, lãi suất 2.6% ông Xuyên có kích hoạt thẻ sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn – ông Lâm Trí X vắng mặt, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, ông Xuyên phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ chứng minh được quy định tại

khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Về án phí: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Lâm Trí X, địa chỉ cư trú tại xã V (xã A, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn – ông Lâm Trí X vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định là Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn – ông Lâm Trí X phải thanh toán số tiền là: 36.432.729 đồng (tạm tính đến ngày 21/10/2025) (trong đó nợ gốc: 14.556.585 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.876.144 đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Ngoài ra ông Lâm Trí X còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[5] Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý số 637 ngày 17/11/2023 theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Lâm Trí X về việc thanh toán nợ do vi phạm hợp đồng tín dụng. Theo kết quả xác minh của Công văn số 3297/TAQBT ngày 24/11/2023 gửi Công an phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Công an phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh) xác nhận: “Đương sự Lâm Trí X, sinh năm: 2000 có hộ khẩu thường trú tại 188/21/24 Lê Đình C, Khu phố K, phường T (phường A, quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện cư trú tại: Tổ 11, ấp 1B, xã V (xã A, huyện C cũ),

Thành phố Hồ Chí Minh” và theo kết quả xác minh của Công văn số 980/TAQBT ngày 05/03/2024 gửi Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Công an xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh) xác nhận: “Đương sự Lâm Trí X, sinh năm: 2000 có khai báo thông tin về nơi ở hiện tại ở địa chỉ: Nhà không số, (Tổ 11, ấp 1B cũ) nay là Ấp 7, xã V (xã A, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 04/2023. Hiện đương sự Lâm Trí X đã bỏ đi đâu không rõ nơi đến và không rõ thời gian bỏ đi. Công an Khu vực đã tiến hành lập biên bản tuần tra cư trú và thực hiện xóa đăng ký cư trú trên hệ thống dữ liệu dân cư theo đúng quy định”. Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh) gửi công văn số 363/TAHBC ngày 18/02/2025 đề nghị Công an phường Tân Sơn Nhì xác minh nơi cư trú của ông Lâm Trí X thì có kết quả xác minh như sau: “Ông Lâm Trí X không có đăng ký thường trú, không có đăng ký tạm trú, không thực tế cư trú tại 42/3A Trần Hưng Đ, phường T (phường S, quận P cũ), Thành phố Hồ Chí Minh”. Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 04/06/2019 mà bị đơn đã ký với nguyên đơn có ghi địa chỉ của bị đơn cư trú: E13/17 Ấp H, xã V (Tổ A, Ấp B cũ, xã C, huyện D cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao quy định bị đơn theo địa chỉ ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản, nếu có thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc mới mà không thông báo cho người giao dịch hoặc tổ chức Ngân hàng ký hợp đồng biết về nơi cư trú, làm việc mới đó thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung là đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 04/11/2019, số thẻ: 472074-2087 (loại thẻ Visa), hạn mức: 15.000.000 đồng, lãi suất áp dụng: 2,6%/tháng, bị đơn đã thực hiện kích hoạt thẻ, giao dịch với số tiền tổng cộng là 13.500.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.387.000 đồng thì ngưng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ được quy định tại các điều khoản ghi trong hợp đồng nên ngày 23/08/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 21/10/2025 thì bị đơn còn nợ 35.921.781 đồng (trong đó nợ gốc: 14.556.585 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.365.196 đồng). Do đó, có cơ sở xem xét yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng.

[8] Bị đơn không liên hệ nguyên đơn để thương lượng thỏa thuận giải quyết số nợ còn thiếu, kéo dài thời gian trả nợ, không cung cấp hay thông báo cho

nguyên đơn biết về nơi cư trú mới, nơi làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 là trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình coi như từ bỏ quyền trình bày của mình tại phiên tòa. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao; Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 36.432.729 đồng (tạm tính đến ngày 21/10/2025) (trong đó nợ gốc: 14.556.585 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.876.144 đồng), ngoài ra bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.
- Buộc ông Lâm Trí X trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 36.432.729 đồng (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng) (tạm tính đến ngày 21/10/2025) (trong đó nợ gốc: 14.556.585 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.876.144 đồng)
- Buộc ông Lâm Trí X còn phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 22/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.
- Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện việc giao nhận tiền tại Phòng Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí: Ông Lâm Trí X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.821.636 đồng (Một triệu, tám trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là 519.565 đồng (Năm trăm mười chín nghìn, năm trăm sáu mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0026884 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự (6);
- TAND TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh (2);
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ôn Kim Chi